

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ KUIN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 18 - 6 -2021  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quốc Định.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Dương Diễm.

Bà Phan Thị Thiện .

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thanh Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 21/01/2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Ông Vũ Văn D, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:*

Bà Th (nguyên đơn) với ông Vũ Văn D (bị đơn) cưới nhau vào năm 1991 đến ngày 24/01/2005 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, việc kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau và có được 03 con chung. Đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, bị đơn thường xuyên đánh đập vợ con nhiều lần. Nguyên đơn đã cố gắng chịu đựng để giữ hạnh phúc gia đình và nhiều lần nhờ chính quyền địa phương cũng như gia đình nội ngoại hai bên can thiệp nhưng bị đơn không thay đổi. Nay xét thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa và mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có ba người con chung là cháu Vũ Thị D, sinh năm 1992, cháu Vũ Văn H sinh năm 1994 và cháu Vũ Thị Thùy L, sinh năm 1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn sinh sống, xác định tình trạng hôn nhân và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn thì chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn, về con chung, tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bị đơn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Bị đơn ông Vũ Văn D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/01/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn với bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, bị đơn thường hay đánh đập bị đơn nhiều lần làm cho cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra đã nhiều năm, nhưng vợ chồng không tự khắc phục được mà ngày càng căng thẳng hơn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã có việc vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình và vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có ba người con chung là cháu Vũ Thị D, sinh năm 1992, cháu Vũ Văn H sinh năm 1994 và cháu Vũ Thị Thùy L, sinh năm 1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Vũ Văn D không phải chịu án phí

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Vũ Văn D.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Các con chung của bà Nguyễn Thị Th và ông Vũ Văn D đã trên 18 tuổi và đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0017504 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ông Vũ Văn D không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lê Quốc Định**